

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2874** /TKV-KH

V/v Công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2020

ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP	
CÔNG VĂN DẪN	
SỐ:	4907
NGÀY:	18/6/20
CHUYỂN:	

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; ✓
- Bộ Công Thương.

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (TKV) trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Công Thương về công bố thông tin của TKV với các nội dung:

1. Phụ lục V: Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất.

Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐTV (báo cáo, e-copy);
- Tổng giám đốc (báo cáo, e-copy);
- Ban kiểm soát TKV (báo cáo, e-copy);
- Các PTGD, KTT (e-copy);
- Các Ban: KH, KTTC, ĐT, TCNS, VP (e-copy);
- Lưu VT, KH (2).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hoàng Trung

PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

MST: 5700100256

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2020

Năm báo cáo: 2020

I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

1. Thực hiện sản xuất kinh doanh

Trong giai đoạn 2017-2019, thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu của Tập đoàn công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam (TKV) như sau:

1.1. Sản xuất Than

- Tổng sản lượng than thương phẩm sản xuất là 109.200 ngàn tấn;
- Than thương phẩm đã đảm bảo cung ứng đủ nhu cầu than cho các hộ tiêu dùng trong nước, đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.

1.2. Sản xuất sản phẩm khoáng sản:

- Kẽm thô sản xuất 33.651 tấn;
- Đồng tấm sản xuất 35.802 tấn;

1.3. Sản xuất Điện: Điện thương phẩm 28.689 triệu kwh;

1.4. Sản xuất Vật liệu nổ Công nghiệp: 211.692 tấn thuốc nổ các loại;

1.5. Doanh thu: 371.948 tỷ đồng;

1.6. Lợi nhuận trước thuế: 13.241 tỷ đồng.

BIỂU SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm 2020
1	Các chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu					
a)	Than sạch sản xuất	Tấn	32.704	36.167	40.329	39.780
b)	Sản phẩm khoáng sản					
	- Kẽm thô	Tấn	10.835	11.200	11.616	12.000
	- Đồng tấm	Tấn	11.516	11.768	12.500	12.500

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm 2020
c)	Sản xuất điện	Tr.kwh	9.402	9.441	9.846	10.000
d)	Sản xuất VLN Công nghiệp	Tấn	60.907	70.404	80.381	68.500
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	107.020	125.772	139.156	132.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.051	4.998	5.192	2.000
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	14.756	16.437	20.157	18.233
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD	606.877	765.059	657.557	594.000
6	Sản phẩm dịch vụ công ích					
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	13.266	11.345	11.059	13.490
a)	- Nguồn Vốn chủ sở hữu	"	956	534	4.071	3.543
b)	- Vốn vay	"	10.843	5.589	6.788	9.418
c)	- Vốn khác	"	1.467	5.222	200	529
8	Tổng lao động (lao động có mặt đến cuối kỳ 31/12 hàng năm)	Người	104.504	98.375	96.640	97.000
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	13.180	13.883	15.722	15.718

2. Thực hiện KH đầu tư xây dựng các dự án chủ yếu.

2.1. Lĩnh vực công nghiệp than:

- Đã hoàn thành và đưa vào sản xuất các dự án: Dự án đầu tư khai thác phần dưới -50 - Công ty than Hà Lâm (2,4 triệu T/N); Dự án khai thác xuống sâu dưới mức -75 mỏ Bình Minh (công suất 1 triệu T/N); Dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mỏ than Khe Tam - Công ty than Dương Huy (công suất 2,5 triệu T/N); Dự án khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương - Công ty than Mông Dương (Điều chỉnh); Dự án cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn - Công ty cổ phần than Cao Sơn - Vinacomin...

- Tiếp tục thực hiện các dự án: Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh; Dự án đầu tư khai thác hầm lò Mỏ Khe Chàm II-IV; Dự án đầu tư khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -150 - Công ty than Mạo Khê (công suất 2 triệu T/N); Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo (công suất 2 triệu T/N); Dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -35 khu Lộ Trí - Công ty than Thống Nhất -TKV (công suất 2 triệu T/N); Dự án khai thác hầm lò phần mở rộng mỏ Suối Lại - giai đoạn I (công suất 0,7 triệu T/N);

2.2. Lĩnh vực khoáng sản:

- Tiếp tục thực hiện các dự án Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ tuyến đồng Sin Quyền, Lào Cai, Dự án Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai. Hoàn thành các hạng mục công trình và đang thực hiện công tác kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án đầu tư XDCT khai thác mỏ đồng Tả Phời, dự án đầu tư XDCT nhà máy tuyển đồng Tả Phời.

- Tập trung thực hiện công tác kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án tổ hợp bauxit - Nhôm Lâm Đồng; dự án nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ.

10/10/2019

2.3. Lĩnh vực công nghiệp điện:

- Đã hoàn thành các hạng mục công trình còn lại của Dự án Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5; tập trung đẩy nhanh tiến độ kiểm toán, quyết toán dự án hoàn thành đối với Dự án Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê 2x20MW.

- Dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương II: Đã hoàn thành công tác lập HSMT gói EPC nhà máy chính. đã thống nhất với giá điện và được Cục điều tiết điện lực thông qua tại văn bản số 1021/ĐTĐL-GP ngày 05/6/2019.

+ Tổng Công ty Điện lực đã phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư, tiến độ dự án và kế hoạch LCNT; đang hoàn thiện các thủ tục để ký kết hợp đồng mua bán điện với EVN, hoàn thiện công tác chuẩn bị mặt bằng và tiếp tục triển khai thực hiện các gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt.

- Dự án nhà máy nhiệt điện Quỳnh Lập 1: Đã thực hiện xong công tác chuẩn bị dự án tuy nhiên dự án có tổng mức đầu tư rất lớn, khó khăn trong việc thu xếp vốn. Sau khi tìm kiếm nhà đầu tư không thành công, TKV đã có báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Quản lý vốn tại doanh nghiệp để xin ý kiến chỉ đạo các bước tiếp theo.

2.4. Các lĩnh vực khác:

Tiếp tục thực hiện và đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án: Dự án Trung tâm giao dịch Than - Khoáng sản Việt Nam và Dự án Tòa nhà Trung tâm Điều hành sản xuất tại Quảng Ninh.

II. Tình hình đầu tư tại các công ty con.

(Như biểu chi tiết kèm theo)

BIỂU SỐ 2: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Thực hiện năm 2019		
		Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư
I	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ			2,164			2,164			2,063
	Bệnh viện than khoáng sản	Sự nghiệp	100%	103	Sự nghiệp	100%	103		0%	0
	Tạp chí than khoáng sản Việt Nam	Sự nghiệp	100%	2	Sự nghiệp	100%	2	2	100%	2
	TCT Công nghiệp Hóa chất mỏ	1,300	100%	1,300	1,300	100%	1,300	1,300	100%	1,300
	Công ty TNHH MTV Môi trường	376	100%	277	376	100%	277	277	100%	277
	Viện Khoa học công nghệ Mỏ	Sự nghiệp	100%	46	Sự nghiệp	100%	46	47	100%	47
	Viện Cơ khí năng lượng và mỏ	Sự nghiệp	100%	14	Sự nghiệp	100%	14	14	100%	14
	Trường CĐ nghề TKV	Sự nghiệp	100%	0	Sự nghiệp	100%	0		0%	0
	Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải	18	100%	17	18	100%	17	17	100%	17
	Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng	1,800	100%	286	1,800	100%	286	286	100%	286
	Công ty TNHH Vinacomin Lào	335	100%	120	335	100%	120	120	100%	120
II	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ nhân chi phối			14,107			13,902			13,956
	TCT Khoáng sản TKV - CTCP	2,000	98%	1,961	2,000	98%	1,961	2,000	98%	1,961
	TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	1,050	98%	1,031	1,050	98%	1,031	1,050	98%	1,031
	Công ty CP Vận tải và Đưa đón thợ mỏ	33	95%	34	33	95%	31	33	95%	31
	Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	400	95%	403	400	95%	379	400	95%	379
	Liên doanh Alumin Campuchia - Việt Nam	ĐTRNN	88%	187	ĐTRNN	88%	187	213	88%	187
	Công ty CP than Hà Lâm	254	74%	189	254	74%	189	254	74%	189
	Công ty CP Vật tư TKV	150	51%	77	150	51%	77	150	51%	77
	Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	100	67%	67	100	67%	67	100	67%	67
	Công ty CP chế biến kinh doanh than Cẩm Phả	59	65%	39	59	65%	39	59	65%	39
	Công ty CP than Tây Nam Đá Mài	160	65%	105	160	65%	105	160	65%	105
	Công ty CP Địa chất và Khoáng sản	30	65%	20	30	65%	20	30	65%	20

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Thực hiện năm 2019		
		Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư
	Công ty CP than Vàng Danh	450	67%	300	450	67%	300	450	67%	300
	Công ty CP Xuất nhập khẩu than	110	55%	61	110	55%	61	110	55%	61
	Công ty CP Sắt Thạch Khê	2,400	59%	1,123	2,400	59%	1,123	2,400	47%	1,123
	Công ty CP than Mông Dương	214	54%	116	214	54%	116	214	54%	126
	Công ty CP than Núi Béo	370	53%	196	370	53%	196	370	65%	232
	Công ty CP than Cọc Sáu	325	51%	166	325	51%	166	325	57%	195
	Công ty CP Giám định	36	51%	18	36	51%	18	36	51%	18
	Công ty CP than Cao Sơn	268	51%	137	268	51%	137	268	51%	168
	Công ty CP Tin học Công nghệ và Môi trường	18	51%	9	18	51%	9	18	51%	9
	Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ và Công nghiệp	24	51%	12	24	51%	12	24	51%	12
	Công ty CP than Đèo Nai	294	51%	150	294	51%	150	294	61%	179
	Công ty CP than Hà Tu	246	51%	125	246	51%	125	246	62%	156
	Công ty CP Đồng Tà Phời	600	62%	236	600	62%	236	600	49%	298
	Công ty CP Chế tạo máy	47	41%	19	47	41%	19	47	41%	19
	Công ty CP Cơ khí Mạo Khê	14	36%	5	14	36%	5	14	36%	5
	Công ty CP công nghiệp ô tô	27	36%	10	27	36%	10	27	36%	10
	Công ty CP Cơ điện Uông Bí	19	35%	7	19	35%	7	24	35%	9
	Công ty CP Địa chất Mỏ	108	87%	94	108	87%	94	108	87%	94
	Công ty Đầu tư, Phát triển nhà và hạ tầng TKV	180	99.3%	179						
	Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP	6,800	99.7%	6,778	6,800	99.7%	6,778	6,800	100%	6,778
	Công ty CP Địa chất Việt Bắc	86	92%	79	86	92%	79	86	92%	79
	TỔNG CỘNG			16,271			16,066			16,019

BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm 2020
1	Các chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu					
a)	Than sạch sản xuất	1000t	32.704	36.167	40.329,5	39.780
b)	Sản phẩm khoáng sản					
	- Kẽm thô	Tấn	10.835	11.200	11.616	12.000
	- Đồng tấm	Tấn	11.516	11.786	12.500	12.500
c)	Sản xuất điện	Tr.kwh	9.402	9.441	9.846	10.000
d)	Sản xuất VLN Công nghiệp	Tấn	60.907	70.404	80.381	68.500
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	107.020	125.772	139.156	132.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.051	4.998	5.192	2.000
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	14.756	16.437	20.157	18.233
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD	606.877	650.059	657.557	594.000
6	Sản phẩm dịch vụ công ích					
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	13.266	11.345	11.059	13.490
a)	- Nguồn Vốn chủ sở hữu	"	956	534	4.071	3.543
b)	- Vốn vay	"	10.843	5.589	6.788	9.418
c)	- Vốn khác	"	1.467	5.222	200	529
8	Tổng lao động (lao động có mặt đến cuối kỳ 31/12 hằng năm)	Người	104.504	98.375	96.640	97.000
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	13.180,0	13.883,0	15.722	15.718

